TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 288/2023/HS-ST
Ngày: 05-12-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Mai.
2. Bà Châu Thị Lệ.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh – Số 416/2 đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 293/2023/HSST ngày 01/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2023/QĐXXST-HS ngày 07/11/2023, đối với bị cáo:

Phạm Văn C; Sinh năm 1986, tại tỉnh F; Thường trú: KDC I, phường K, thành phố J, tỉnh F; Nghề nghiệp: Thợ nhôm kính; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T7 và bà Nguyễn Thị H4; Vợ Đỗ Thị Như H6, có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 16/7/2023 (Có mặt tại phiên tòa).

-*Bị hại:*
1/Bà Trương Thị T, sinh năm 1957 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số Chung cư X đường X2, Phường X3, quận G9, Tp. Hồ Chí Minh.

2/Ông Cao Văn T2, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số Y đường Y2, Phường X3, quận G9, Tp. Hồ Chí Minh.

3/Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số Y3 đường Y2, Phường X3, quận G9, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2023, anh Cao Văn T2 làm chủ cửa hàng làm nhôm sắt Y5, địa chỉ: số 51 đường Y2, Phường X3, quận G9, Thành phố Hồ Chí Minh có nhận Phạm Văn C làm nhân viên thi công cửa nhôm kính nội thất gia đình nhưng không ký hợp đồng lao động. Anh Cao Văn T2 giao cho C nhiệm vụ đi đến nhà khách hàng khảo sát, đo đạc rồi về Cửa hàng cắt nhôm kính lắp ráp nội thất gia đình theo yêu cầu của khách hàng. Anh T2 không giao cho C trực tiếp làm việc thỏa thuận giá cả, báo giá tiền vật liệu và tiền công cho khách hàng và cũng không được thu tiền từ khách hàng. Tuy nhiên, lợi dụng việc đi theo khách hàng về nhà đo nội thất, làm nhôm kính. Sau khi khảo sát, đo vẽ C đã tự ý đưa ra thông tin gian dối rằng được chủ cửa hàng giao cho thu tiền cọc và tiền hoàn công do khách hàng thanh toán tiền làm nhôm kính, rồi C tự ý yêu cầu khách hàng đưa tiền cọc và tiền hoàn công cho C để chiếm đoạt tiêu xài cá nhân, Phạm Văn C đã thực hiện các lần phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 29/05/2023, bà Trương Thị T (sinh năm 1957, nơi thường trú: C/C X đường X2, Phường X3, G9) cùng chồng là Huỳnh Quang Luật (sinh năm 1958) đến cửa hàng làm nhôm sắt Y5 để đặt làm cửa nhôm sắt. Vợ chồng bà T gặp chủ cửa hàng là Cao Văn T2 (sinh năm 1982, nơi thường trú: Y đường Y2, Phường X3, G9). Ông T2 yêu cầu C đi theo vợ chồng bà T về nhà để khảo sát, đo đạt cửa nhôm kính. Tại nhà vợ chồng bà T, C báo giá làm bộ cửa nhôm kính trị giá là 19.500.000 đồng và C tự ý yêu cầu bà T đặt cọc số tiền 5.000.000 đồng, do không có tiền nên bà T hẹn C đến 16 giờ 30 phút cùng ngày quay lại nhà nhận tiền cọc làm nhôm kính. Đúng như hẹn trước đó, C đến nhận tiền cọc thì bà T có yêu cầu C viết giấy tay nhận cọc thì bà T mới giao tiền là 7.000.000 đồng, và C ký tên trên giấy nhận tiền là "Phạm Khánh Cường". Sau 02 tiếng, C lại yêu cầu bà T tiếp tục đưa số tiền 3.500.000 đồng với lý do để mua vật liệu nếu bà T không đưa thì chậm trễ thi công lắp ráp cửa nhôm kính cho bà T. Do lo sợ bị thi công lắp ráp trễ nên bà T đồng ý giao thêm cho C số tiền 2.000.000 đồng. Và C sửa trên giấy nhận cọc từ 7.000.000 đồng thành 9.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của bà T, C không giao lại tiền cho T2 là chủ cửa hàng nhôm kính Y5 mà dùng số tiền này tiêu xài cá nhân. Đến ngày 02/6/2023, vợ chồng bà T không thấy C đến lắp ráp nhôm kính nên đến trình báo tại Công an Phường X3 về việc C chiếm đoạt tài sản.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 30/5/2023, do vợ chồng chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1978, nơi thường trú: Y3 Y2, Phường X3, G9) cần sửa chữa cửa nhà bếp nên chồng H là Mạc Quang C3 (sinh năm 1971) có đến cửa hàng nhôm kính Y5, địa chỉ 51 Y2, Phường X3, quận G9 để kêu người đến để đo đạc làm. Tại cửa hàng Y5 vợ chồng chị H không gặp chủ cửa hàng là T2 mà gặp Phạm Văn C và nhân viên cửa hàng tên Phong. C nhận làm cho vợ chồng chị H và đi cùng vợ chồng chị H về nhà khảo sát, đo vẽ cửa kiếng. C báo giá là 9.160.000 đồng. C yêu cầu chị H

đưa cọc trước 4.000.000 đồng thì được chị H giao tiền mặt tại nhà. Khoảng 17 giờ 30 ngày 02/6/2023, C đem vật tư đến nhà chị H lắp ráp hoàn thiện cửa kính tủ bếp, riêng cánh cửa nhà vệ sinh bị hụt nên C hẹn sáng ngày hôm sau lắp ráp, trước khi về C yêu cầu chị H đưa tiếp 2.000.000 đồng thì chị H đồng ý đưa tiền mặt cho C. Đến sáng ngày hôm sau, C lắp ráp xong cho chị H thì được chị H thanh toán đủ số tiền 9.160.000 đồng. Sau khi nhận tiền của chị H, C không giao lại tiền cho T2 mà sử dụng tiêu sài cá nhân, còn lại 30.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vsmart Active 1, kèm số sim 0941944969 đã qua sử dụng của Phạm Văn C;

- Tiền Việt Nam: 30.000 đồng (Ba mươi ngàn đồng) là tiền Phạm Văn C chiếm đoạt mà có

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G9, Tp. Hồ Chí Minh, Phạm Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 290/CT–VKS-GV ngày 31/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận G9, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G9, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn C thực hiện hai lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản với mỗi lần giá trị tài sản bị chiếm đoạt đều đủ mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn bãi nại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn C 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đề nghị xử lý vật chứng:

-Trả lại cho bị cáo Phạm Văn C 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vsmart Active 1, kèm số sim 0941944969 đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền Việt Nam: 30.000 đồng (Ba mươi ngàn đồng) là tiền Phạm Văn C chiếm đoạt mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra gia đình của Phạm Văn C đã thỏa thuận bồi thường cho anh Cao Văn T2 số tiền 18.160.000 đồng, trong đó 9.000.000 đồng của bà Trương Thị T và 9.160.000 đồng của chị Nguyễn Thị H. Anh Cao Văn T2 đã tự thỏa thuận với bà Trương Thị T hoàn thành bộ cửa nhôm đã

đặt làm nên bà T không có yêu cầu bồi thường. Đối với chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử không xét lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G9, Tp. Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận G9, Tp. Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn C tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện bị cáo đã thực hiện hành vi: Với mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước, vào ngày 29/05/2023, tại số C/C X đường X2, Phường X3, quận G9, Tp. Hồ Chí Minh, Phạm Văn C có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng là tiền cọc làm nhôm kính của bà Trương Thị T. Ngoài ra vào ngày 30/5/2023, tại địa chỉ số Y3 Y2, Phường X3, G9, Tp. Hồ Chí Minh có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 9.160.000 đồng là tiền thi công lắp đặt cửa kính tủ bếp mà khách hàng là bà Nguyễn Thị H trả cho anh Cao Văn T2. Đủ cơ sở xác định bị cáo Phạm Văn C phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Việc truy tố, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận G9, Tp. Hồ Chí Minh đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo muốn có tiền tiêu xài không qua lao động chân chính nên cố tình phạm tội. Do đó, cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Bị cáo Phạm Văn C thực hiện hai lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản với mỗi lần giá trị tài sản bị chiếm đoạt đều đủ mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5]. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn bãi nại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5, Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Xét hoàn cảnh của bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Đối với nhân viên tên Phong không biết hành vi phạm tội của Phạm Văn C, không tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra gia đình của Phạm Văn C đã thỏa thuận bồi thường cho ông Cao Văn T2 số tiền 18.160.000 đồng, trong đó 9.000.000 đồng của bà Trương Thị T và 9.160.000 đồng của bà Nguyễn Thị H. Ông Cao Văn T2 đã tự thỏa thuận với bà Trương Thị T hoàn thành bộ cửa nhôm đã đặt làm nên bà T không có yêu cầu bồi thường. Đối với bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu bồi thường. Hội đồng xét xử không xét.

[9]. Về xử lý vật chứng:

[9.1]. Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vsmart Active 1, kèm số sim 0941944969 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Phạm Văn C. Xét thấy, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo C.

[9.2]. Đối với số tiền Việt Nam: 30.000 đồng (Ba mươi ngàn đồng) là tiền Phạm Văn C chiếm đoạt mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[10]. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

[11]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

-Căn cứ khoản 1, Điều 174; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2023.

- Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+Trả lại cho bị cáo Phạm Văn C 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vsmart Active 1, kèm số sim 0941944969 đã qua sử dụng.

+Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền Việt Nam: 30.000 đồng (Ba mươi ngàn đồng).

(Theo Phiếu nhập kho số 197/PNK ngày 27/9/2023 của Công an quận G9, Tp. Hồ Chí Minh).

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận G9;
- Công an quận G9;
- Trại giam nơi giam bị cáo;
- Cơ quan Thi hành án dân sự quận G9;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Anh Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Đức